

Bản số: 18/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 26/04/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viên
2. Ông Lê Văn Ninh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Ông Nguyễn Đức C – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 840/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐSTHNGĐ, ngày 15 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987 (Có mặt)

Trú tại: Tổ 13, P. Hoàng Văn Thụ, TP TH, tỉnh TH.

Bị đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1992

Trú tại: Tổ 13, P. Hoàng Văn Thụ, TP TH, tỉnh TH.

(Chị T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai)

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị P, sinh năm 1958(Đã chết)

2. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1974(Vắng mặt)

Đều cư trú: Khu 4, Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

3. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Ngân – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng NN và PT Nông thôn huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng(Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1963(Vắng mặt)

Cư trú; Tổ 13, phường Hoàng Văn Thụ, TP. TH, tỉnh TH

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị Nông Thị T qua tìm hiểu đã kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ, thành phố TH. Hai bên đều tự nguyện kết hôn, không ai bị ép buộc gì. Hai vợ chồng đã có 02 con chung, Nguyễn Tùng Lâm, sinh ngày 16/10/2011; Nguyễn Phương Thảo, sinh ngày 24/03/2015. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Đến tháng 11/ 2018 do có mâu thuẫn nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Chị T bỏ về bố mẹ đẻ ở huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng và sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai còn quan tâm ai nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị T. Tại phiên tòa, anh N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị T để giải phóng cho nhau, mỗi người tự tạo dựng cuộc sống riêng cho mình và yên tâm nuôi dạy con chung.

Khi ly hôn về con chung: Tại phiên tòa anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tùng L sinh ngày 16/10/2011; Nguyễn Phương Th, sinh ngày 24/03/2015. Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh N nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T nhưng chị T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Anh Nguyễn Văn N cung cấp cho Tòa án thời điểm giữa năm 2017 chị Nông Thị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại Khu 4, Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Ngày 07/08/2017 Tòa án ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai của chị Nông Thị T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/09/2017 bị đơn chị Nông Thị T trình bày: Chị và anh N tìm hiểu nhau năm 2010 và đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố TH. Vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Tùng L, sinh ngày 16/10/2011; Nguyễn Phương Th, sinh ngày 24/03/2015. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn là do anh N chơi bời, nợ nần không quan

tâm chăm sóc đến vợ con, đến khoảng giữa năm 2017 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng ở. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai nữa. Anh N yêu cầu ly hôn với chị nhất trí, xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị đề nghị mỗi người nuôi một con, anh N muốn nuôi con lớn hay con bé tùy vào quyết định của anh N. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nếu chị nuôi một con.

Về tài sản chung: Không có tài sản gì chung

Về số nợ chung: Chị xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có mượn giấy CNQSD đất của bố mẹ chồng vay số tiền 250.000.000 đồng, chị đề nghị anh N có trách nhiệm trả khoản nợ trên. Ngoài ra vợ chồng chị có mượn giấy CNQSD đất của mẹ đẻ chị là bà Đặng Thị C thế chấp vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng số tiền 200.000.000 đồng; mượn giấy CNQSD đất của bác ruột chị là bà Nông Thị P thế chấp vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 06/11/2017 Tòa án tiếp tục Ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Thạch An thu thập chứng cứ và lấy lời khai của bà Đặng Thị C là mẹ đẻ của chị T, bà Nông Thị P là bác ruột của chị T, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng để xác định khoản nợ do chị Nông Thị T trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2017 bà Đặng Thị C trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nông Thị T, anh Nguyễn Văn N là con rể. Năm 2014 bà có cho chị T, anh N mượn giấy CNQSD đất để làm thủ tục vay Ngân hàng NN và PT Nông thôn – Chi nhánh huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình vay bà là người đứng tên và làm thủ tục vay Ngân hàng, thực chất là vay để cho anh N, chị T sử dụng số tiền trên để làm trang trại chăn nuôi lợn. Nếu anh N, chị T ly hôn bà yêu cầu anh chị phải có trách nhiệm trả khoản tiền trên cho Ngân hàng và rút giấy CNQSD đất trả cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2017 bà Nông Thị P trình bày: Bà là bác ruột của chị Nông Thị T. Năm 2014 bà có cho chị T, anh N mượn giấy CNQSD đất để làm thủ tục vay Ngân hàng NN và PT Nông thôn – Chi nhánh huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình vay bà là người đứng tên và làm thủ tục vay Ngân hàng, thực chất là vay để cho anh N, chị T sử dụng số tiền trên, ngoài ra bà có cho anh N vay riêng số tiền 70.000.000 đồng, nhưng bà không có giấy tờ gì chứng minh về khoản nợ trên. Nếu anh N, chị T ly hôn bà yêu cầu anh

chị phải có trách nhiệm trả khoản tiền trên và rút giấy CNQSD đất trả cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2018 bà Đinh Thị Ngân – Giám đốc Ngân hàng NN và PT Nông thôn – chi nhánh huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng trình bày: Năm 2015 Ngân hàng có làm thủ tục cho bà Nông Thị P vay vốn Ngân hàng với số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 11/02/2019, mục đích vay: Xây nhà bếp và công trình phụ. Tài sản thế chấp là giấy CNQSD đất mang tên bà Nông Thị P. Quá trình làm thủ tục vay vốn bà Nông Thị P là người làm thủ tục và ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Ngày 11/03/2015 Ngân hàng có làm thủ tục cho bà Đặng Thị C vay vốn Ngân hàng với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 11/02/2019, mục đích vay: Xây nhà. Tài sản thế chấp là giấy CNQSD đất mang tên bà Đặng Thị C. Quá trình làm thủ tục vay vốn bà Đặng Thị C là người làm thủ tục và ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Anh N, chị T không phải là người đứng ra ký hợp đồng vay vốn, chỉ là người đứng thừa kế cho khoản vay trên. Trường hợp anh chị ly hôn Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình bà P, bà C phải cùng có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên khi đến hạn.

Do xác định trong quá trình giải quyết vụ án chị T đang cư trú tại địa chỉ Khu 4, Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, Tòa án nhân dân thành phố TH ra Quyết định số 02/CV- TA ngày 29/05/2018 chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng giải quyết vụ án theo thẩm quyền. Quá trình thụ lý vụ án và xác minh Tòa án nhân dân huyện Thạch An xác định chị T không có hộ khẩu thường trú tại Khu 4, Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, chị T chỉ thỉnh thoảng về thăm nhà, khoảng tháng 7/2018 gia đình chị T có chuyện, bà Nông Thị P đã chết, bố mẹ chị T phạm tội bị bắt tạm giam hiện gia đình chị T không còn ai cư trú địa chỉ trên. Tòa án nhân dân huyện Thạch An xác định chị T không cư trú, tạm trú và làm việc tại Khu 4, Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố TH giải quyết theo thẩm quyền.

Tòa án nhân dân thành phố TH thụ lý vụ án, tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tại biên bản xác minh chị T vẫn có hộ khẩu thường trú tại tổ 13, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố TH chưa cất khẩu đi đâu. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T, niêm yết thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị T vẫn vắng mặt. Do đó các đương sự không thể cùng nhau thỏa thuận để giải quyết vụ án, chị T trong suốt quá trình giải quyết vụ án, được biết

được tổng đạt các văn bản, có ý kiến tại hồ sơ vụ án nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Nông Thị T;

Về con chung: Giao cả hai con chung Nguyễn Tùng Lâm, sinh ngày 16/10/2011; Nguyễn Phương Thảo, sinh ngày 24/03/2015 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Phần tài sản chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về khoản nợ chung: Anh N xác định không có tài sản chung, người có quyền lợi, N vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu, không nộp án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TH.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt chị T lần thứ hai không có lý do. Chị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T.

Về nội dung: Anh Nguyễn Văn N và chị Nông Thị T kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ, thành phố TH. Hai bên đều tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc gì. Do vậy thừa nhận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống anh chị đã có 02 con chung Nguyễn Tùng Lâm, sinh ngày 16/10/2011; Nguyễn Phương Thảo, sinh ngày 24/03/2015. Lý do anh N làm đơn xin ly hôn là do giữa hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và ly thân với anh N từ năm 2017 cho đến nay. Tại phiên

tòa ngày hôm nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc anh đề nghị được ly hôn với chị T

Hội đồng xét xử xét thấy, trên thực tế, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích chung không đạt được, hai vợ chồng đã sống ly thân một thời gian và không ai còn quan tâm đến ai. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh N cho anh N được ly hôn với chị T là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“ 1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có N vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, N vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. ...”.

Hiện tại hai con đang do anh N nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, giao cả hai con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi(trưởng thành) hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Đối với N vụ cấp dưỡng: Anh N không yêu cầu giải quyết. Do đó về phần N vụ cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó về vấn đề tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết trong một vụ án khác nếu các đương sự có đơn yêu cầu.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ 200.000.000 đồng của bà Đặng Thị C; khoản nợ 100.000.000 đồng của bà Nông Thị P tại phiên tòa anh N xác định không có việc anh và chị T mượn bìa đỏ của bà C và bà P để thế chấp vay vốn của Ngân hàng, nay anh được biết hai khoản nợ trên đã được bà P, bà C thanh toán xong. Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng cũng xác định toàn bộ khoản vay của bà Đặng Thị C và bà Nông Thị P đã được gia đình bà C,

bà P thanh toán xong ngày 28/01/2019. Dư nợ hiện tại là 0 đồng, Ngân hàng không có đề nghị gì khác. Do quyền lợi và N vụ của các bên đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản nợ chị T khai vay của bố mẹ chồng 250.000.000 đồng, bà Hồng xác định khoản nợ trên do vợ chồng bà đứng ra làm thủ tục vay vốn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TH, số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để sửa nhà, thế chấp tài sản là giấy CNQSD đất mang tên Nguyễn Thị Hồng. bà xác định khoản nợ trên bà là người trực tiếp sử dụng, không liên quan đến vợ chồng anh N và chị T, do vậy bà không có đề nghị gì đối với khoản nợ trên, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản nợ vay của bà Nông Thị P 70.000.000 đồng, chị T, bà P không có giấy tờ tài liệu gì chứng minh anh N vay khoản nợ trên, anh N xác định không có khoản nợ trên. Do bà P(đã chết), chị T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn N cho anh N được ly hôn với chị Nông Thị T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Tùng L sinh ngày 16/10/2011 và Nguyễn Phương Th, sinh ngày 24/03/2015 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

* **Về N vụ cấp dưỡng nuôi con:** Anh N không yêu cầu. Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Án phí: Anh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005173 ngày 25/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH, tỉnh TH.

5. Quyền kháng cáo: Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi, N vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND xã Huống Thượng;
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư

